

Số: 1271/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 230/VPĐP-NV&MT ngày 02/4/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc ban hành tiêu chí và chỉ đạo thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 74/TTr-SNN ngày 10/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019-2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới, các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện; kiểm tra, giám sát việc đánh giá, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn trên địa bàn.

2. UBND các huyện, thành phố căn cứ Bộ tiêu chí, hàng năm tổ chức đánh giá, xét công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chánh Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan TV BCĐ CCTMTQG tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_(PVD).

(b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu

BỘ TIÊU CHÍ
“KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU”

(Kèm theo Quyết định số:1271 /QĐ-UBND ngày 16 /7/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Nhà ở và vườn hộ gia đình	1.1. Nhà ở và công trình phụ trợ	
		a) Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo Quy định của Bộ Xây dựng.	≥ 90%
		b) Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và vệ sinh sạch sẽ.	Đạt
		c) Số hộ có công trình phụ trợ nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp ... được bố trí ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ; cổng, ngõ, sân nhà, hàng rào được chỉnh trang bảo đảm mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương (có trồng hàng rào cây xanh hoặc trồng hoa, cây cảnh... ở những khu vực phù hợp).	≥ 95%
		d) Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.	100%
		1.2. Vườn hộ gia đình	
		Số hộ có vườn được chỉnh trang, cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp lựa chọn các loại cây trồng phù hợp phục vụ sinh hoạt hoặc các loại cây trồng có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập.	100%
2	Đường giao thông	2.1. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa, lát gạch, lát đá...), có hệ thống thoát nước hai bên đường, hoặc các rãnh xương cá trên phần lề đường để bảo đảm thoát nước tốt vào mùa mưa, không gây ứ đọng.	100%
		2.2. Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính trong khu dân cư có điện chiếu sáng.	100%
		2.3. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp như: Trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,...	70%
		2.4. Các tuyến đường trục chính của khu dân cư được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện duy tu, sửa chữa phát quang đảm bảo tầm nhìn.	100%
3	Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn	3.1. Nhà văn hoá thôn:	
		a) Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; sân khấu có phong, màn sân khấu phù hợp; có bộ trang trí khánh tiết gồm: Cờ Đảng, cờ Tổ quốc, tượng Bác	Đạt

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		HỒ, khẩu hiệu; có đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	
		b) Có đủ bàn ghế phục vụ sinh hoạt cộng đồng.	Đạt
		c) Người dân tham gia hoạt động tại Nhà văn hóa thôn trong năm; thời gian dành cho hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em.	≥ 30%
		d) Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh sạch đẹp; có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà văn hóa.	Đạt
		đ) Tỷ lệ các hộ dân trong khu dân cư được nghe thông tin từ hệ thống loa phát thanh của xã.	100%
		3.2. Khu thể thao thôn:	
		a) Có khu thể thao đạt chuẩn theo quy định. Có trang bị một số dụng cụ thể dục thể thao, phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt
		b) Có mô hình hoạt động thể thao quần chúng phù hợp (tổ, đội, câu lạc bộ...) thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia.	Đạt
4	Phát triển sản xuất và giảm nghèo	4.1. Trong khu dân cư có ít nhất từ 02 mô hình sản xuất có hiệu quả trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ,...) thu nhập từ 50-70 triệu đồng/mô hình/năm.	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ nghèo trong khu dân cư theo chuẩn nghèo đa chiều	≤ 2%
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Văn hoá:	
		a) Tỷ lệ hộ gia đình trong khu dân cư đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá.	100%
		b) Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%
		c) Có mô hình hoạt động văn hóa – văn nghệ quần chúng thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia và trong thôn có ít nhất một đội hoặc một câu lạc bộ văn hóa- văn nghệ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt
		5.2. Giáo dục:	
		a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo trong khu dân cư	100%
		b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tỷ lệ trẻ hoàn thành chương	100%

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		trình tiểu học đúng độ tuổi.	
		c) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học các cấp bậc học (Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học nghề...)	≥ 95%
		d) Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của khu dân cư có việc làm thường xuyên	100%
		5.3. Y tế:	
		Tỷ lệ người dân trong khu dân cư tham gia bảo hiểm y tế	≥ 95%
6	Vệ sinh môi trường	6.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch trong khu dân cư	Nước hợp vệ sinh 100%; nước sạch ≥55%
		6.2. Đường làng ngõ xóm trong khu dân cư thường xuyên được phát dọn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu sáng - xanh - sạch - đẹp; có quy ước vệ sinh môi trường của khu dân cư; có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
		6.3. Nước thải của các hộ gia đình trong khu dân cư được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Rác thải phải được thu gom, phân loại, xử lý ngay từ hộ gia đình, không có việc vứt rác thải ra nơi công cộng;	Đạt
		6.4. Tỷ lệ hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch”.	100%
		6.5. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm	Đạt
7	An ninh, trật tự xã hội và Bình đẳng giới	7.1. An ninh trật tự đảm bảo, an toàn, không có công dân thường trú tại khu dân cư phạm tội; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật	Đạt
		7.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội.	Đạt
		7.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt